TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 04-12-2017
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1019/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Kim N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp D, xã B, huyện N, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng D, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lý Kim N trình bày: bà và ông Nguyễn Hồng D do mai mối và sống chung với nhau từ năm 2012. Sau đó, bà và ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Long An vào này 07/10/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng luôn cải vã, bất đồng quan điểm sống. Ông D có hành vi hành hung bà nhiều lần. Từ tháng 8 năm 2017, bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã B, huyện N, tỉnh Long An sinh sống cho đến nay. Ông D cũng không có thái độ hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không liên lạc với bà. Nay

bà xác định tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa bà và ông D không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Bà xác định giữa bà và ông D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông D không có nợ ai.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện việc bà N xin ly hôn nhưng ông D vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa hôm nay: bị đơn là ông Nguyễn Hồng D vắng mặt. Nguyên đơn là bà Lý Kim N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lý Kim N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Hồng D. Ông D đang cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Lý Kim N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Nguyễn Hồng D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lý Kim N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về hôn nhân: Bà N và ông D tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 163/2015 quyển số 01/2015 đăng ký ngày 07/10/2015 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà N và ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, ông D đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà N xin ly hôn với ông D tại Tòa án, nhưng ông D không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà N xác định không còn tình cảm gì với ông D và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà N và ông D là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà N

cương quyết ly hôn với ông D là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Lý Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Hồng D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về con chung, về chia tài sản, về nợ chung: Do ông D cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày; Bà N xác định giữa bà N và ông D không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Lý Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Kim N về việc tranh chấp ly hôn với ông Nguyễn Hồng D.

1. Về hôn nhân: Bà Lý Kim N được ly hôn với ông Nguyễn Hồng D.

2. Về án phí: Buộc bà Lý Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001508 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Long An. Bà Lý Kim N đã nộp đủ tiền án phí.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Lý Kim N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Nguyễn Hồng D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Long An *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Tiền Phương